TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 5 - VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 437/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 20 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 617/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1997;

Căn cước công dân số: 083197013221

Nơi cư trú: Số B, ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Nhật C, sinh năm 1996;

Căn cước công dân số: 083096001569.

Nơi cư trú: Số C, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật C và bà Trần Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 21/01/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng nên đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Ông C và bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông C và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 24/02/2024, hiện con đang sống cùng bà D. Bà D và ông C thống nhất giao con chung cho bà D nuôi. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (bằng chữ: hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông C và bà D thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông C và bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật C và bà Trần Thị Mỹ D thuận tình ly hôn. Ông C và bà D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Trần Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 24/02/2024, hiện con đang sống cùng bà D. Ông Nguyễn Nhật C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (bằng chữ: hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Nhật C và bà Trần Thị Mỹ D tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0011228 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông C và bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My